SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG; Thời gian ký: 2024-11-05T15:12:17+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2018 /BC-UBND	*Trảng Bàng, ngày 05 tháng 11 năm 2024*

BÁO CÁO
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Trảng Bàng, khóa XII, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024.

Thực hiện Quyết định số 6558/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước.....295.050 triệu đồng.

+ Thu nội địa.....295.050 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSĐP) .....683.664 triệu đồng.

+ Thu cân đối NSĐP .....530.556 triệu đồng.

+ Thu bổ sung cân đối: .....36.735 triệu đồng.

+ Thu NS tỉnh bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:.....84.730 triệu đồng.

+ Sử dụng nguồn cải cách tiền lương chi tăng lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP: .....31.643 triệu đồng

- Dự toán chi ngân sách địa phương: .....683.664 triệu đồng.

+ Chi cân đối NSĐP: .....598.934 triệu đồng.

+ Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: .....84.730 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

I. Về thu NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 248 tỷ 847 triệu đồng, đạt 82,66% so dự toán, tăng 12,68% so cùng kỳ.

II. Về chi NSĐP

Tổng chi NSĐP: 534 tỷ 859 triệu đồng, đạt 62,39% so dự toán, giảm 0,15% so cùng kỳ, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 423 tỷ 754 triệu đồng, đạt 61,98% so dự toán, giảm 20,89% so cùng kỳ.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 111 tỷ 105 triệu đồng đạt 64,01% so dự toán.

(Kèm biểu mẫu số 93,94,95/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Sở Tài chính;
- Phòng Tài chính –KH;
- Lưu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Hồng Thắm

UBND THỊ XÃ TRẢNG BÀNG

Mẫu số: 93/CKTC-NSH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 2018 /BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1		3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**683 664**	**1 030 688**	**150,76%**	**134,17%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**530 556**	**491 051**	**92,55%**	**122,23%**
1	Thu nội địa	295 050	248 847	84,34%	116,63%
2	Thu viện trợ				
3	Tỉnh quản lý thu điều tiết cho thị xã	235 506	242 204	102,84%	128,57%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**121 465**	**186 629**	**153,65%**	**295,10%**
III	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**353 008**		
IV	**Sử dụng nguồn CCTL chi tăng lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP**	**31 643**			
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**857 234**	**534 859**	**62,39%**	**106,97%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách thị xã**	**683 664**	**423 754**	**61,98%**	**84,75%**
1	Chi đầu tư phát triển	72 160	29 397	40,74%	20,85%
2	Chi thường xuyên	514 765	352 099	68,40%	100,02%
3	Dự phòng NSNN	11 858	299		
4	Dự toán chưa phân bổ	151			
5	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	84 730	41 959	**49,52%**	
III	**Chi bổ sung phát sinh trong năm**	**173 570**	**111 105**		

UBND THỊ XÃ TRẢNG BÀNG

Mẫu số: 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 2018 /BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH %	
				THỰC HIỆN SO DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**301 050**	**248 847**	**82,66%**	**112,68%**
I	**Thu nội địa**	**301 050**	**248 847**	**82,66%**	**112,68%**
1	**Thu từ khu vực ngoài quốc doanh**	**113 800**	**87 358**	**76,76%**	**119,79%**
	-Thuế giá trị gia tăng	86 145	57.053	66,23%	120,05%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	24 000	28.540	118,92%	124,54%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	400	324	81,00%	103,85%
	- Thuế tài nguyên	3 255	1.441	44,27%	66,37%
2	**Thuế thu nhập cá nhân**	**78 000**	**43.926**	**56,32%**	**104,47%**
3	**Thu phí và lệ phí**	**4 600**	**4 807**	**104,50%**	**123,96%**
	- Lệ phí môn bài	2 630	2 740	104,18%	107,32%
	- Các loại phí khác	1 970	2 067	104,92%	156,00%
4	**Lệ phí trước bạ**	**37 000**	**33.730**	**91,16%**	**143,98%**
5	**Các khoản thu về nhà, đất**	**51 550**	**64 283**	**124,70%**	**100,20%**
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500	703	140,60%	93,98%
	-Thu tiền sử dụng đất	50 000	62 492	124,98%	99,30%
	-Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1 050	1 088	103,62%	231,98%
6	**Thu khác ngân sách**	**16 000**	**14 743**	**92,14%**	**102,42%**
	- Thu phạt ATGT	6 000	6 727	112,12%	89,92%
	- Thu khác còn lại	10 000	8 016	80,16%	115,96%
7	**Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác**	**100**			
B	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**		**353 008**		
C	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**683 664**	**677 680**	**99,12%**	**165,61%**
1	Từ các khoản thu phân chia	240 645	177 099	73,59%	119,85%
2	Tỉnh thu điều tiết cho thị xã	235 506	242 204	102,84%	128,57%
3	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	207 513	258 377	124,51%	353,67%

UBND THỊ XÃ TRẢNG BÀNG

Mẫu 95 /CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 2048 /BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**857 234**	**534 859**	**62,39%**	**99,85%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**683 664**	**423 754**	**61,98%**	**79,11%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**72 160**	**29 397**	**40,74%**	**20,85%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	72 160	29 397	40,74%	20,85%
II	**Chi thường xuyên**	**514 916**	**352 099**	**68,38%**	**99,99%**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	270 662	189 794	70,12%	107,00%
2	Chi khoa học công nghệ	130	3		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4 066	4 065	99,98%	127,79%
4	Chi văn hóa thông tin	5 995	2 895	48,29%	71,52%
5	Chi phát thanh, truyền hình	558	283	50,72%	102,54%
6	Chi thể dục thể thao	839	391	46,60%	118,48%
7	Nguồn chưa phân bổ SN VH thể thao và Truyền thanh				
7	Chi bảo vệ môi trường	11 940	6 350	53,18%	127%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	33 034	13 529	40,95%	45,21%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	100 523	61 449	61,13%	95,41%
10	Chi đảm bảo xã hội	45 476	42 750	94,01%	104,41%
11	Chi an ninh - quốc phòng	38 373	27 511	71,69%	109,27%
12	Chi khác ngân sách	3 169	1 569	49,51%	150,72%
13	Nguồn chưa phân bổ	151			
14	Tạm chi chưa đưa vào ngân sách		1 510		4718,75%
III	**Dự phòng NSNN**	**11 858**	**299**	**2,52%**	**4,34%**
IV	**Bổ sung dự toán đầu năm**	**84 730**	**41 959**	**49,52%**	**117,56%**
1	Chi đầu tư phát triển	63 000	31 715	**50,34%**	112,20%
3	Chi nhiệm vụ bổ sung trong năm	15 147	10 230	67,54%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	6 583	14	0,21%	0,42%
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU PHÁT SINH TRONG NĂM**	**173 570**	**111 105**	**64,01%**	
1	Hỗ trợ kinh hộ không có khả năng thoát nghèo	1 991	798		
2	Kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân	169 657	109 181		
3	Chi tiền tết Giáp Thìn năm 2024	1 667	1 126		
4	Hỗ trợ mai táng phí	255			